




Student's name:

Date:

| Topic: D5 - Breakfast Lesson 3 <u>Vocabulary:</u> hamburger: bánh mì kẹp thịt bò noodles: mì sợi pizza: bánh pizza sandwich: bánh mì kẹp <u>Structure:</u> A: Can I help you? B: Yes, a hamburger, please. A: For here or to go? B: For here, please. <u>At home:</u> con ôn từ và hoàn thành bài cô phát nhé. | Teacher's remark <input type="checkbox"/> Very Good <input type="checkbox"/> Good <input type="checkbox"/> Fair  |
|--|---|
|--|---|

Worksheet

Task 1: Listen and tick (Nghe và đánh dấu tick)



Can I help you?

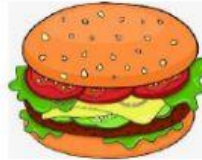




Can I help you?



Can I help you?



Can I help you?



Task 2: Listen and choose the missing letter. (Nghe và chọn chữ cái còn thiếu)



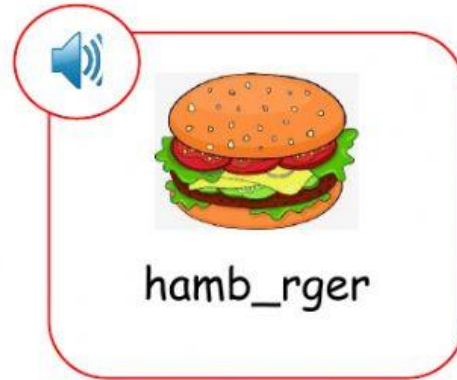
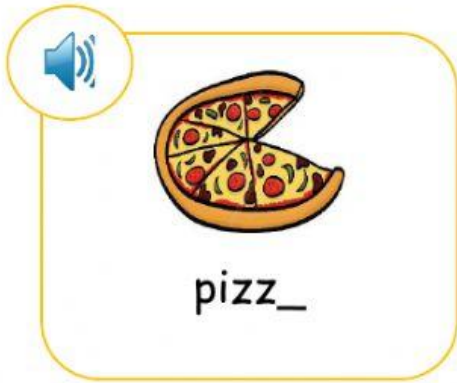
sandwich

p b d



noodle_






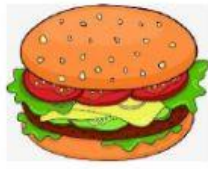


e s d



a u e

a u e

Task 3: Listen and number (Nghe và đánh số thứ tự)

| | | | |
|--|--|---|--|
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
| <input data-bbox="295 1164 406 1265" type="text"/> | <input data-bbox="582 1164 694 1265" type="text"/> | <input data-bbox="893 1164 1005 1265" type="text"/> | <input data-bbox="1189 1164 1300 1265" type="text"/> |

Task 4: Read and match (Đọc và nối)

A: Can I help you?
B: Yes, a sandwich, please.



A: Can I help you?
B: Yes, a pizza, please



A: Can I help you?
B: Yes, a hamburger, please



A: Can I help you?
B: Yes, a bowl of noodles, please



Task 5: Find and circle all listed words (Tìm và khoanh tròn các từ trong danh sách)

p i z z a h s
a t d e o a a
n o h a i m n
c a j k m b d
a s i h n u w
k t l g a r i
e g g u k g c
f p x q v e h
t z c s d r m
n o o d l e s
c e r e a l b

1. pizza 
2. hamburger 
3. noodles 
4. toast 
5. sandwich 
6. cereal 
7. egg 
8. pancake 